

Số: 1241/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 14 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình đã thụ lý số 850/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1981;

Bị đơn: Ông Tô Văn L, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: 61/1 khu phố A, phường B, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Tô Văn L và bà Lê Thị Ngọc A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Tô Văn L và bà Lê Thị Ngọc A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 236, quyển số 02/2002 do Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2002 không còn giá trị pháp luật.

- Về con chung:

Có 01 con chung tên Tô Hữu B, sinh ngày 26/8/2001 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Ông Tô Văn L và bà Lê Thị Ngọc A tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông Tô Văn L và bà Lê Thị Ngọc A đều xác định không có nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc A tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0105092 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Ngọc A được nhận số tiền còn lại là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự, bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND phường nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Phạm Minh Hà